

UNIT 11**SCIENCE AND TECHNOLOGY****GETTING STARTED****I/ NEW WORDS:**

- development	(n) : sự phát triển
- spaceship/'speɪs.ʃɪp/	(n) : tàu vũ trụ
- progress/'prɒʊ.gres/	(n) : sự tiến bộ
- money-making business	(n) : việc làm ăn có lãi
- telecommunication	(n) : viễn thông
- researcher/rɪ'sɜ:tʃər/	(n) : nhà nghiên cứu
- crop yield /krɒp/ /ji:ld/	(n) : sản lượng cây trồng
- cancer/'kæ.n.sər/	(n) : bệnh ung thư
- aspect /'æ.spekt/	(n) : khía cạnh, mặt
- transform/træns'fɔ:m/	(v): biến đổi
- previously/'pri:vi.əs.li/	(adv): trước
- biologist/baɪ'ɒl.ə.dʒɪst/	(n): nhà n.cứu về s.vật học
- realistic /,ri:.ə'lɪs.tɪk/	(n): hiện thực, thực tế
- compute /kəm'pjʊ:t/	(v): tính toán, ước tính
- accurate /'æk.jə.rɪt/ rət/	(adj): đúng đắn, chính xác
- measurement/'meʒ.ə.mənt/	(n): sự đ.lường, kích thước
- experiment/ɪk'sper.ɪ.mənt	(n): thí nghiệm

--	--